



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 1256/GP-UB ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 0100364579 ngày 7 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 23 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 7 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch (<i>từ ngày 31/5/2017</i>)
	Ông Võ Văn Mai	Chủ tịch (<i>từ ngày 21/4/2017 đến ngày 31/5/2017</i>)
	Ông Vladislavs Savkins	Chủ tịch (<i>đến ngày 21/4/2017</i>)
	Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch (<i>từ ngày 31/5/2017</i>)
	Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch (<i>đến ngày 21/4/2017</i>)
	Ông Phạm Việt Giang	Phó Chủ tịch (<i>từ ngày 31/5/2017</i>)
	Ông Phạm Việt Giang	Thành viên (<i>đến ngày 31/5/2017</i>)
	Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
	Ông David Đỗ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	
Ông Trịnh Minh Hoàng	Thành viên	
Ban Giám đốc	Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 31/5/2017</i>)
	Ông Phạm Việt Giang	Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 31/5/2017</i>)
	Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 5/6/2017</i>)
Trụ sở đăng ký	152 Thụy Khuê Quận Tây Hồ, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
HIPT**

S.Đ.Κ.Κ.Đ. : 0100964799 - C.T.Π.
Q. TÂY HỒ - T. HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410-Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Trong các năm trước, Công ty và một số cá nhân đã thỏa thuận hợp tác và góp vốn để thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án "Xây dựng Trung tâm giao dịch điện tử và phần mềm Hà Nội – Hanesco và khu nhà thấp tầng cho thuê" tại địa chỉ của Công ty là số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội. Theo thỏa thuận này, Công ty và các cá nhân có quyền đầu tư, khai thác từng phần đất nhất định trong lô đất tại địa chỉ nói trên. Các cá nhân đã hoàn thành việc đóng góp trong các năm trước và Công ty cũng đã sử dụng số tiền đóng góp này để hoàn thành việc đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án. Do đó, Công ty đã ghi nhận giá trị xây dựng tòa nhà Hanesco bao gồm cả phần vốn góp của các cá nhân là tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao theo thời hạn thuê đất còn lại, đồng thời ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời gian tương ứng. Trong năm 2016, Công ty nhận được Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cho phép Công ty sử dụng diện tích đất tại khu nhà thấp tầng số 152 Thụy Khuê để thực hiện dự án nhà ở thấp tầng để bán. Trên cơ sở Quyết định này, Công ty đánh giá lại giao dịch hợp tác góp vốn với các cá nhân và cho rằng đây là giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư và quyền sở hữu bất động sản, và do đó Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của giao dịch này tương ứng là số vốn góp nhận trước còn lại của các cá nhân và giá trị còn lại của khu nhà ở trong tài sản cố định hữu hình tương ứng với phần chuyển nhượng.

Tuy nhiên, tại ngày báo cáo, Công ty và các cá nhân trên chưa ký kết một thỏa thuận nào về việc sửa đổi nội dung hợp tác trước đây hay chuyển nhượng quyền sở hữu khu nhà ở. Do đó, theo ý kiến của chúng tôi, việc Công ty ghi nhận giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư và quyền sở hữu bất động sản trong năm 2016 là chưa đủ cơ sở. Nếu Công ty tiếp tục ghi nhận toàn bộ giá trị tòa nhà là tài sản cố định và trích khấu hao, và ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và phân bổ, một số khoản mục của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ thay đổi như sau:

- Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 22.101.384.047 VND và 6.344.818.662 VND;
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 1.410.792.513 VND và 16.759.726.682 VND;
- Doanh thu và giá vốn hàng bán cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 641.269.324 VND và 606.325.990 VND;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ tăng 34.943.334 VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng bị ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề này.



Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-190-SX/HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		542.801.453.008	492.565.901.841
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	98.150.239.695	128.229.446.949
Tiền	111		9.150.239.695	28.229.446.949
Các khoản tương đương tiền	112		89.000.000.000	100.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		212.100.000	212.100.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	212.100.000	212.100.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.318.108.895	238.876.022.441
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	117.070.863.213	94.889.023.106
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.161.313.863	10.256.549.416
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	11	93.972.687.694	98.128.194.087
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	1.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13	53.833.151.223	35.312.868.034
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(1.719.907.098)	(1.710.612.202)
Hàng tồn kho	140	15	96.196.987.045	52.444.071.708
Hàng tồn kho	141		96.678.052.656	52.925.137.319
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(481.065.611)	(481.065.611)
Tài sản ngắn hạn khác	150		74.924.017.373	72.804.260.743
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.326.592.439	219.379.334
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		597.424.934	584.881.409
Tài sản ngắn hạn khác	155	16	72.000.000.000	72.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		32.535.856.153	36.762.454.978
Các khoản phải thu dài hạn	210		248.023.000	300.304.000
Phải thu dài hạn khác	216		248.023.000	300.304.000
Tài sản cố định	220		15.262.662.467	16.211.692.764
Tài sản cố định hữu hình	221	17	12.867.787.679	13.475.994.894
Nguyên giá	222		44.032.749.436	43.706.049.436
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.164.961.757)	(30.230.054.542)
Tài sản cố định vô hình	227	18	2.394.874.788	2.735.697.870
Nguyên giá	228		7.500.392.093	7.500.392.093
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.105.517.305)	(4.764.694.223)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	321.300.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	321.300.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	16.416.093.729	18.817.989.774
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		13.350.513.314	15.752.409.359
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.264.044.944	7.264.044.944
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.198.464.529)	(4.198.464.529)
Tài sản dài hạn khác	260		609.076.957	1.111.168.440
Chi phí trả trước dài hạn	261		609.076.957	678.019.593
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	-	433.148.847
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		575.337.309.161	529.328.356.819

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		245.794.356.684	199.585.223.162
Nợ ngắn hạn	310		244.002.724.208	197.121.497.213
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	81.541.692.587	45.982.263.081
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62.092.933.658	60.791.379.518
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	531.495.792	5.948.750.479
Phải trả người lao động	314		148.338.353	5.268.981.353
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	41.502.400	1.178.739.400
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	297.858.000	262.858.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	77.603.423.029	77.643.325.382
Vay ngắn hạn	320	25	21.745.480.389	45.200.000
Nợ dài hạn	330		1.791.632.476	2.463.725.949
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	900.332.622	838.492.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	160.572.001	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	730.727.853	1.625.233.949
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		329.542.952.477	329.743.133.657
Vốn chủ sở hữu	410	27	329.542.952.477	329.743.133.657
Vốn cổ phần	411	28	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415	28	(60.144.990.832)	(60.144.990.832)
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.507.032.429	8.707.213.609
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.707.213.609	2.970.426.397
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		(200.181.180)	5.736.787.212
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(275.850.104)	(275.850.104)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		575.337.309.161	529.328.356.819


Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Yên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	181.728.635.561	131.445.451.136
Giá vốn hàng bán	11	32	151.456.845.581	114.044.331.045
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		30.271.789.980	17.401.120.091
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	2.466.010.145	5.081.656.648
Chi phí tài chính	22	34	109.762.543	1.590.983.135
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		99.401.672	1.426.059.984
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(979.561.738)	792.099.077
Chi phí bán hàng	25	35	15.920.103.514	16.236.979.045
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	15.669.451.005	15.806.177.028
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		58.921.325	(10.359.263.392)
Thu nhập khác	31	37	826.912.035	1.817.772.174
Chi phí khác	32		7.530.393	406.436.559
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		819.381.642	1.411.335.615
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		878.302.967	(8.947.927.777)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	484.763.299	181.099.470
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	593.720.848	206.561.806
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		(200.181.180)	(9.335.589.053)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		(200.181.180)	(9.335.589.053)
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		(200.181.180)	(9.332.649.050)
Cổ đông không kiểm soát	62		-	(2.940.003)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	(10)	(433)

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởngVõ Văn Mai
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.*

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		878.302.967	(8.947.927.777)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.275.730.297	2.157.986.773
Các khoản dự phòng	03		(885.211.200)	1.372.529.624
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.141.384.847)	(408.655.205)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		101.935.886	(4.553.779.217)
Chi phí lãi vay	06		99.401.672	1.426.059.984
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		328.774.775	(8.953.785.818)
Biến động các khoản phải thu	09		(36.324.350.770)	29.751.978.021
Biến động hàng tồn kho	10		(43.431.615.337)	11.938.924.742
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		26.331.551.993	(31.291.536.051)
Biến động chi phí trả trước	12		68.942.636	247.922.619
			(53.026.696.703)	1.693.503.513
Tiền lãi vay đã trả	14		(99.401.672)	(516.427.483)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.637.140.098)	(7.183.289.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(54.763.238.473)	(6.006.213.596)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(326.700.000)	(384.938.468)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(662.100.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.299.960.159	3.761.680.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.973.260.159	2.714.641.672

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		32.340.632.127	10.674.245.400
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.640.351.738)	(13.534.406.600)
Tiền trả cổ tức	36		-	(12.889.881.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.700.280.389	(15.750.043.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(30.089.697.925)	(19.041.614.974)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		128.229.446.949	130.655.775.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.490.671	3.242.176
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	98.150.239.695	111.617.402.748

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng
Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.*

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và liên doanh.

(b) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết sau:

	Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	
		30/6/2017	1/1/2017
Công ty con			
<i>Cấp 1</i>			
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIPT Invest”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân Lực Chân trời mới Hà Nội (“New Horizons JSC”)	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (“HISG Ltd.”)	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (“HISN Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT (“HIPT School”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
<i>Cấp 2</i>			
Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao (“Hi-Power Tech”)*	Hà Nội, Việt Nam	55%	55%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	Hà Nội, Việt Nam	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	27%	27%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	22%	22%
Công ty liên doanh			
Thời báo doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	50%

(*) Công ty Hi-Power Tech là công ty con của Công ty HIPT Invest.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 221 nhân viên (1/1/2017: 236 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

(i) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Tập đoàn, đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính, không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	422.814.828	404.658.518
Tiền gửi ngân hàng	8.727.424.867	27.824.788.431
Các khoản tương đương tiền	89.000.000.000	100.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	98.150.239.695	128.229.446.949
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 4,8% (2016: 5,4% đến 6,0%) một năm.

11/8 / 2017
T.Y
Đ.U
4
11.P

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	212.100.000	212.100.000

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5,9% đến 6,7% (2016: 5,9% đến 6,7%) một năm.

Giá trị hợp lý của tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:		
▪ các công ty liên doanh, liên kết	13.350.513.314	15.752.409.359
▪ các đơn vị khác	7.264.044.944	7.264.044.944
	20.614.558.258	23.016.454.303
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(4.198.464.529)	(4.198.464.529)
	16.416.093.729	18.817.989.774

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và liên doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	15.752.409.359	17.542.121.235
(Lỗ)/lãi từ các công ty liên kết và liên doanh	(979.561.738)	792.099.077
Cổ tức được chia	(1.422.334.307)	-
	13.350.513.314	18.334.220.312

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	6.764.044.944	6.764.044.944
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	500.000.000	500.000.000
	7.264.044.944	7.264.044.944
	7.264.044.944	7.264.044.944

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nina International	15.160.860.196	26.655.617.980
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị truyền thông	4.408.852.900	9.208.852.900
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	58.388.000.000	6.318.400.000
Các khách hàng khác	39.113.150.117	52.706.152.226
	117.070.863.213	94.889.023.106
	117.070.863.213	94.889.023.106

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu kỳ	98.128.194.087	75.219.108.693
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong kỳ	14.859.782.217	36.016.300.803
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ	112.987.976.304	111.235.409.496
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(19.015.288.610)	(13.107.215.409)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	93.972.687.694	98.128.194.087

12. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh khoản cho một thành viên Hội đồng Quản trị đồng thời là cổ đông của Công ty vay với lãi suất là 15% một năm. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, khoản phải thu về cho vay ngắn hạn này đã được hoàn trả.

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu khác từ các cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng cơ bản	4.334.847.400	3.597.233.236
Tạm ứng cho nhân viên (*)	48.867.091.594	31.094.497.044
Ký cược, ký quỹ	108.706.000	115.514.000
Phải thu khác	522.506.229	505.623.754
	53.833.151.223	35.312.868.034

(*) Tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho việc triển khai các dự án của Tập đoàn và dự kiến sẽ được hoàn ứng khi các dự án hoàn thành. Bao gồm trong các khoản tạm ứng cho nhân viên có 12.021 triệu VND là tạm ứng cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (1/1/2017: 13.288 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			1/1/2017			Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn Công ty Cổ phần Đội công nghệ 3D Hà Nội Kintel	Trên 3 năm	663.440.565	(663.440.565)	-	Trên 3 năm	663.440.565	(663.440.565)	-
Communication Ltd	Trên 3 năm	521.272.080	(521.272.080)	-	Trên 3 năm	521.272.080	(521.272.080)	-
Khác	Trên 3 năm	544.000.046	(535.194.453)	8.805.593	Trên 3 năm	544.000.046	(525.899.557)	18.100.489
		<u>1.728.712.691</u>	<u>(1.719.907.098)</u>	<u>8.805.593</u>		<u>1.728.712.691</u>	<u>(1.710.612.202)</u>	<u>18.100.489</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu
khó đòi – ngắn hạn

(1.719.907.098)

(1.710.612.202)

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	490.579.650	-	10.696.076.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.033.530.144	-	17.178.517.450	-
Hàng hóa	25.766.978.534	(481.065.611)	24.663.579.261	(481.065.611)
Hàng gửi đi bán	386.964.328	-	386.964.328	-
	96.678.052.656	(481.065.611)	52.925.137.319	(481.065.611)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 632 triệu VND hàng hóa (1/1/2017: 632 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

16. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng Bảo Việt”).

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty hạch toán giá gốc 72 tỷ VND của khoản đầu tư vào Tài sản ngắn hạn khác và ghi nhận số tiền 72 tỷ VND nhận được từ bên thứ ba vào Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 24(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	18.748.120.749	4.281.532.813	1.068.413.025	19.607.982.849	43.706.049.436
Tăng trong kỳ	-	-	-	326.700.000	326.700.000
Số dư cuối kỳ	18.748.120.749	4.281.532.813	1.068.413.025	19.934.682.849	44.032.749.436
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.040.153.406	4.216.156.471	396.142.570	18.577.602.095	30.230.054.542
Khấu hao trong kỳ	418.316.489	26.666.664	53.016.930	436.907.132	934.907.215
Số dư cuối kỳ	7.458.469.895	4.242.823.135	449.159.500	19.014.509.227	31.164.961.757
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	11.707.967.343	65.376.342	672.270.455	1.030.380.754	13.475.994.894
Số dư cuối kỳ	11.289.650.854	38.709.678	619.253.525	920.173.622	12.867.787.679

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 14.760 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 14.760 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.926.442.619	588.000.000	2.985.949.474	7.500.392.093
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.884.692.461	544.982.408	2.335.019.354	4.764.694.223
Khấu hao trong kỳ	78.528.852	-	262.294.230	340.823.082
Số dư cuối kỳ	1.963.221.313	544.982.408	2.597.313.584	5.105.517.305
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	2.041.750.158	43.017.592	650.930.120	2.735.697.870
Số dư cuối kỳ	1.963.221.306	43.017.592	388.635.890	2.394.874.788

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 385 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 385 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Chênh lệch tỷ giá	20%	-	433.148.847
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Chênh lệch tỷ giá	20%	160.572.001	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế sau của các công ty trong Tập đoàn:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
HIPT Invest	2.787.607.987	557.521.597	2.898.464.092	579.692.818
New Horizons JSC	3.125.286	625.057	3.125.286	625.057
HIPT School	71.544.815	14.308.963	70.545.465	14.109.093
HISN Ltd.	1.655.488.848	331.097.770	1.653.349.483	330.669.897
HIBF Ltd.	5.489.400.785	1.097.880.157	2.550.919.245	510.183.849
HISG Ltd.	4.791.726.852	958.345.370	4.785.735.837	957.147.167
Hi-Power Tech	2.302.864.451	460.572.890	2.302.864.451	460.572.890
	17.101.759.024	3.420.351.804	14.265.003.859	2.853.000.771

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ	
		30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
2017	Chưa quyết toán	10.237.532.687	10.348.388.792
2018	Chưa quyết toán	34.756.802	34.756.802
2019	Chưa quyết toán	199.287.835	199.287.835
2020	Chưa quyết toán	1.012.293.525	1.012.293.525
2021	Chưa quyết toán	2.670.276.905	2.670.276.905
2022	Chưa quyết toán	2.947.611.270	-
		17.101.759.024	14.265.003.859

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty nêu trên có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
SmarDTV S.A	44.481.002.821	-
Vizrt (Thailand), Ltd.	13.990.589.088	-
Dell Global B.V. (Singapore Branch)	-	10.696.076.280
Công ty Cổ phần công nghệ Bằng Hữu	-	4.415.136.440
Công ty TNHH Thương mại Trần Đức	-	3.732.377.933
Các nhà cung cấp khác	23.070.100.678	27.138.672.428
	81.541.692.587	45.982.263.081

Ban Giám đốc đánh giá Tập đoàn có đủ khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân	95.000.000	95.000.000
Emerson Network Power (Singapore) Pte., Ltd	77.718.564	-
Các nhà cung cấp khác	159.808.976	197.661.976
	<hr/> 332.527.540	<hr/> 292.661.976

Ban Giám đốc đánh giá Tập đoàn có đủ khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.231.546.337	26.303.462.075	(30.521.591.951)	13.416.461
Thuế xuất nhập khẩu	1.666.627	251.545.333	(252.309.033)	902.927
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.515.526.309	484.763.299	(1.637.140.098)	363.149.510
Thuế thu nhập cá nhân	194.251.317	2.035.143.527	(2.081.127.839)	148.267.005
Các loại thuế khác	5.759.889	58.751.907	(58.751.907)	5.759.889
	<hr/> 5.948.750.479	<hr/> 29.133.666.141	<hr/> (34.550.920.828)	<hr/> 531.495.792

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	41.502.400	1.178.739.400
	<hr/> 41.502.400	<hr/> 1.178.739.400

23. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ phần mềm nhận trước	297.858.000	262.858.000
	<hr/> 297.858.000	<hr/> 262.858.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng nhận được từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh 16)	72.000.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (*)	2.656.280.900	2.656.280.900
Phải trả cổ tức	301.659.975	301.659.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.645.482.154	2.685.384.507
	<hr/>	<hr/>
	77.603.423.029	77.643.325.382
	<hr/>	<hr/>

(*) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112 từ Chính phủ - để cài đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan Nhà nước trên toàn quốc.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	338.492.000	338.492.000
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	561.840.622	500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	900.332.622	838.492.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	45.200.000	32.340.632.127	(10.640.351.738)	21.745.480.389

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô	VND	7,3% - 8,0%	21.700.280.389	-
Khoản vay từ 1 công ty liên quan	VND	0%	45.200.000	45.200.000
			21.745.480.389	45.200.000

Tất các các khoản vay ngắn hạn đều không được đảm bảo.

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Bảo hành Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	1.625.233.949
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(518.936.836)
Hoàn nhập dự phòng	(375.569.260)
Số dư cuối kỳ	730.727.853

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	15.915.695.597	(272.910.101)	378.088.789.888
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(9.332.649.050)	(2.940.003)	(9.335.589.053)
Cổ tức	-	-	-	-	(13.021.558.200)	-	(13.021.558.200)
Số dư tại ngày 30/6/2016	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	(6.438.511.653)	(275.850.104)	355.731.642.635
Số dư tại ngày 1/1/2017	225.590.300.000	136.237.470.000	(60.144.990.832)	19.628.990.984	8.707.213.609	(275.850.104)	329.743.133.657
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(200.181.180)	-	(200.181.180)
Số dư tại ngày 30/6/2017	225.590.300.000	136.237.470.000	(60.144.990.832)	19.628.990.984	8.507.032.429	(275.850.104)	329.542.952.477



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.559.030	225.590.300.000	22.559.030	225.590.300.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000	22.559.030	225.590.300.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(3.032.457)	(60.144.990.832)	(3.032.457)	(60.144.990.832)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	19.526.573	165.445.309.168	19.526.573	165.445.309.168

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày				Năm kết thúc ngày	
	30/6/2017		30/6/2016		31/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	19.526.573	165.445.309.168	21.573.983	206.579.543.408	21.573.983	206.579.543.408
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(2.047.410)	(41.134.234.240)
Số dư cuối kỳ	19.526.573	165.445.309.168	21.573.983	206.579.543.408	19.526.573	165.445.309.168

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	163.645	3.714.735.865	1.152	26.178.043
EUR	665	17.226.724	522,945	12.473.274.122
		<u>3.731.962.589</u>		<u>12.499.452.165</u>

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu Công ty Cho thuê Tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.736.000	221.736.000
Phải thu Ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	Không còn giao dịch	2016	20.991.178.683	20.991.178.683
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch	2015	761.676.218	761.676.218
			<u>22.210.799.561</u>	<u>22.210.799.561</u>

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Bán hàng	139.387.472.123	94.028.909.761
Cung cấp dịch vụ	40.602.959.405	35.901.655.496
Cho thuê	1.738.204.033	1.514.885.879
	<u>181.728.635.561</u>	<u>131.445.451.136</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Hàng hoá đã bán	123.304.326.372	84.902.777.182
Dịch vụ đã cung ứng	28.149.259.392	28.535.227.865
Cho thuê	3.259.817	606.325.998
	<hr/>	<hr/>
	151.456.845.581	114.044.331.045
	<hr/>	<hr/>

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	877.625.852	3.761.680.140
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	446.999.446	911.321.303
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.141.384.847	408.655.205
	<hr/>	<hr/>
	2.466.010.145	5.081.656.648
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	99.401.672	1.426.059.984
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.348.469	161.518.450
Chi phí tài chính khác	12.402	3.404.701
	<hr/>	<hr/>
	109.762.543	1.590.983.135
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.144.252.467	11.291.101.068
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng bảo hành	(375.569.260)	837.266.244
Chi phí bán hàng khác	4.151.420.307	4.108.611.733
	<hr/>	<hr/>
	15.920.103.514	16.236.979.045
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.471.806.507	8.530.596.589
Chi phí khấu hao	1.209.422.959	1.498.432.241
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	9.294.896	535.263.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.978.926.643	5.241.884.818
	<hr/>	<hr/>
	15.669.451.005	15.806.177.028
	<hr/>	<hr/>

37. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Giảm giá từ nhà cung cấp	820.487.205	1.796.394.456
Các khoản khác	6.424.830	21.377.718
	<hr/>	<hr/>
	826.912.035	1.817.772.174
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	151.743.667.725	114.686.431.884
Chi phí nhân công	20.543.518.974	18.922.849.977
Chi phí khấu hao	1.275.730.297	2.157.986.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.739.250.515	4.891.667.557
Chi phí khác	5.744.232.589	7.341.702.325

39. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	484.763.299	181.099.470
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	593.720.848	206.561.806
Chi phí thuế thu nhập	1.078.484.147	387.661.276

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận(lỗ) kế toán trước thuế	878.302.967	(8.947.927.777)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	175.660.593	(1.789.585.555)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	57.370.466	33.322.640
Chi phí không được khấu trừ thuế	278.102.055	289.999.315
Thu nhập không bị tính thuế	-	(158.419.815)
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế	(22.171.221)	(32.926.710)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	589.522.254	2.362.046.241
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời khác	-	(316.774.840)
	1.078.484.147	387.661.276

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	(Số cổ phiếu)	(Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	19.526.573	21.573.983

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
Lãi trong kỳ (VND)	(200.181.180)	(9.332.649.050)
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lãi thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	(200.181.180)	(9.332.649.050)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	19.526.573	21.573.983
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(10)	(433)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không</i>		
Cổ tức	1.422.334.307	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.603.405.814	12.919.006.168
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	1.339.000.000	2.198.500.000

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Yên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:






Nguyễn Trần Hiền
 Kế toán trưởng

Võ Văn Mai
 Tổng Giám đốc